

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 452/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Minh L, sinh năm 1979;

Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Căn hộ số B20-3 khu căn hộ cao cấp H A 2, số 769-783 Trần Xuân S, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2011, quyền số 01/2011 đăng ký tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05/5/2011).

Quá trình chung sống giữa ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 260/2014, quyền số 02/2014 ngày 29/4/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định ông Trần Minh L và bà

Nguyễn Thị Hồng N có 01 người con chung, họ tên là Trần Nhật M, sinh ngày 17/4/2014.

Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N thỏa thuận giao con chung là Trần Nhật M cho ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Hồng N không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N không có tài sản chung;

[4] Về nợ chung: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 122/2011, quyển số 01/2011 đăng ký tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05/5/2011).

1.2. Về con chung:

Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N có 01 người con chung, họ tên là Trần Nhật M, sinh ngày 17/4/2014.

Giao trẻ Trần Nhật M cho ông Trần Minh L (là cha) trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Hồng N (là mẹ) không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N không có tài sản chung;

1.4. Về nợ chung: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032861 ngày 05/8/2020 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Vậy, ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND thị trấn Long Hải,
huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa
– Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang